

Môn thi : Tiếng Nhật B1

Mã môn học: FLF1607B

Ngày thi: 04 tháng 01 năm 2024

Phòng thi: 1 (102B3)

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP (Viết Tắt)	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI (BẢNG SỐ)	GHI CHÚ
1	23040195	LÊ HOÀI AN	27/12/2005	QH.2023.F.1.E16.NN3			
2	23040236	NGUYỄN TUẤN HOÀNG ANH	14/04/2005	QH.2023.F.1.E6.NN5			
3	23040003	ĐẶNG NGỌC TRÂM ANH	22/10/2005	QH.2023.F.1.E1.SP5CLC			
4	23040244	PHẠM MINH ANH	13/05/2005	QH.2023.F.1.E8.NN4			
5	23040254	TRẦN QUÁCH QUỲNH ANH	21/11/2005	QH.2023.F.1.E20.NN3			
6	23040211	ĐỖ THỊ QUỲNH ANH	13/11/2005	QH.2023.F.1.E21.NN3			
7	23040225	NGUYỄN HUYỀN ANH	29/03/2005	QH.2023.F.1.E3.NN5			
8	23040229	NGUYỄN MINH ANH	29/09/2005	QH.2023.F.1.E9.NN4			
9	23040251	TỔNG ĐÌNH VIỆT ANH	07/05/2005	QH.2023.F.1.E4.NN5			
10	23040002	BÙI MINH ANH	30/04/2005	QH.2023.F.1.E15.SP3			
11	23040221	LƯƠNG VŨ QUỲNH ANH	06/01/2005	QH.2023.F.1.E18.NN3			
12	23040233	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	08/04/2005	QH.2023.F.1.E5.NN5			
13	23040252	TRẦN DUY ANH	29/11/2005	QH.2023.F.1.E5.NN5			
14	23040260	NGUYỄN THỊ MINH ÁNH	18/01/2005	QH.2023.F.1.E12.NN4			
15	23040264	LÊ VŨ GIA BẢO	09/02/2005	QH.2023.F.1.E13.NN4			
16	23040015	NGUYỄN ĐỨC THIÊN BẢO	09/05/2005	QH.2023.F.1.E1.SP5CLC			
17	23040267	NGUYỄN TRẦN ĐÌNH CAO	03/05/2005	QH.2023.F.1.E19.NN3			
18	22040480	HOÀNG NGỌC BẢO CHÂU	23/09/2004	QH.2022.F.1.E9.NN4			
19	22040085	NGUYỄN THỊ MINH CHÂU	28/07/2004	QH.2022.F.1.E21.SP5			
20	23040286	NGUYỄN LINH CHI	27/12/2005	QH.2023.F.1.E22.NN3			
21	23040287	NGUYỄN LINH CHI	12/03/2005	QH.2023.F.1.E12.NN4			
22	23040017	PHẠM VIỆT CƯỜNG	14/11/2005	QH.2023.F.1.E2.SP5			

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Người vào điểm:

Người kiểm tra:

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

Môn thi : Tiếng Nhật B1
Ngày thi: 04 tháng 01 năm 2024

Mã môn học: FLF1607B
Phòng thi: 2 (103B3)

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP (Viết Tắt)	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI (BẢNG SỐ)	GHI CHÚ
1	23040270	NGUYỄN VIỆT ANH CƯỜNG	38483	QH.2023.F.1.E9.NN4			
2	20041407	PHẠM MINH ĐĂNG	36502	QH.2020.F.1.E8.NN23			
3	23040332	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	38459	QH.2023.F.1.E12.NN4			
4	23040330	LƯU HẢI ĐĂNG	38671	QH.2023.F.1.E23.NN3			
5	23040028	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	38703	QH.2023.F.1.E3.SP5			
6	23040334	HOÀNG TRUNG ĐỨC	38441	QH.2023.F.1.E6.NN5			
7	22040319	NGÔ MINH ĐỨC	38323	QH.2022.F.1.E12.NN5			
8	22040127	PHẠM HẠNH DUNG	38310	QH.2022.F.1.E1.SPCLC			
9	23040301	NGUYỄN THÙY DUNG	38606	QH.2023.F.1.E18.NN3			
10	23040320	LÊ THỊ THÙY DƯƠNG	38641	QH.2023.F.1.E6.NN5			
11	23040324	NGUYỄN TRIỆU ÁNH DƯƠNG	38598	QH.2023.F.1.E13.NN4			
12	23040307	ĐINH PHÚC DUY	38679	QH.2023.F.1.E12.NN4			
13	23040315	TRẦN THỊ MỸ DUYÊN	38418	QH.2023.F.1.E10.NN4			
14	23040314	TRẦN HƯƠNG DUYÊN	38550	QH.2023.F.1.E9.NN4			
15	23040337	NGHIÊM THỊ NGỌC GIANG	38691	QH.2023.F.1.E17.NN3			
16	23040350	PHẠM QUANG HÀ	38640	QH.2023.F.1.E13.NN4			
17	23040346	NGUYỄN LÊ THANH HÀ	38685	QH.2023.F.1.E7.NN5			
18	23040351	PHẠM THU HÀ	38596	QH.2023.F.1.E12.NN4			
19	23040353	VŨ LƯƠNG THÁI HÀ	38585	QH.2023.F.1.E4.NN5			
20	23040033	ĐỖ LÊ HẢI	38399	QH.2023.F.1.E1.SP5CLC			
21	23040365	NGUYỄN THÚY HẰNG	38609	QH.2023.F.1.E7.NN5			
22	23040363	NGUYỄN MINH HẰNG	38362	QH.2023.F.1.E6.NN5			

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Người vào điểm:

Người kiểm tra:

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

Môn thi: Tiếng Nhật B1
Ngày thi: 04 tháng 01 năm 2024

Mã môn học: FLF1607B
Phòng thi: 3 (104B3)

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP (Viết Tắt)	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI (BẢNG SỐ)	GHI CHÚ
1	23040360	ĐÀO PHƯƠNG HẢO	14/09/2005	QH.2023.F.1.E19.NN3			
2	23040034	NGUYỄN THU HIỀN	25/08/2005	QH.2023.F.1.E15.SP3			
3	22040442	DƯƠNG MINH HIỀN	17/02/2004	QH.2022.F.1.E16.NN5			
4	23040376	LƯƠNG THỊ HỒNG HIỆP	02/02/2005	QH.2023.F.1.E22.NN3			
5	23040037	LƯƠNG CHÍ HIẾU	02/02/2005	QH.2023.F.1.E1.SP5CLC			
6	23040379	MÃ THỊ THANH HOA	04/11/2005	QH.2023.F.1.E23.NN3			
7	23041900	PHẠM ĐẶNG NHẬT HOA	12/01/2005	QH.2023.F.1.VH1.NN4			
8	23040384	NGUYỄN DUY HÒA	15/09/2005	QH.2023.F.1.E6.NN5			
9	23040383	NGÔ THANH HÒA	07/05/2005	QH.2023.F.1.E16.NN3			
10	23040388	ĐỖ ĐOÀN HỒNG	09/04/2005	QH.2023.F.1.E18.NN3			
11	23040390	NGUYỄN THỊ HỢP	30/11/2005	QH.2023.F.1.E20.NN3			
12	23040042	NGUYỄN PHÚC HÙNG	13/05/2004	QH.2023.F.1.E1.SP5CLC			
13	23040413	NGUYỄN TUẤN HÙNG	23/03/2005	QH.2023.F.1.E5.NN5			
14	23040412	HÀ CHẤN HÙNG	12/11/2005	QH.2023.F.1.E21.NN3			
15	23040416	NGÔ THU HƯƠNG	13/11/2005	QH.2023.F.1.E3.NN5			
16	23040397	ĐỖ NGỌC HUYỀN	08/12/2005	QH.2023.F.1.E5.NN5			
17	23040041	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	10/08/2005	QH.2023.F.1.E2.SP5			
18	23040408	TRẦN MINH HUYỀN	07/07/2005	QH.2023.F.1.E12.NN4			
19	23040400	NGUYỄN DIỆU HUYỀN	07/10/2005	QH.2023.F.1.E6.NN5			
20	23040409	TRẦN THỊ THU HUYỀN	28/04/2005	QH.2023.F.1.E18.NN3			
21	23040423	TRẦN AN KHANG	05/09/2005	QH.2023.F.1.E6.NN5			
22	23040422	LÊ TÔN THẮT AN KHANG	10/06/2005	QH.2023.F.1.E23.NN3			

Giám thị 1:
Giám thị 2:

Người vào điểm:
Người kiểm tra:
Hà Nội, ngày tháng năm 2024
TRƯỞNG KHOA

Môn thi: Tiếng Nhật B1

Mã môn học: FLF1607B

Ngày thi: 04 tháng 01 năm 2024

Phòng thi: 4 (105B3)

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP (Viết Tắt)	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI (BẢNG SỐ)	GHI CHÚ
1	23040424	HOÀNG PHƯƠNG KHANH	02/02/2005	QH.2023.F.1.E5.NN5			
2	23040425	NGUYỄN MAI KHANH	16/02/2005	QH.2023.F.1.E6.NN5			
3	23040427	LƯƠNG HOÀNG VÂN KHÁNH	02/05/2005	QH.2023.F.1.E3.NN5			
4	23040428	PHẠM DUY KHÁNH	09/03/2005	QH.2023.F.1.E7.NN5			
5	23040433	NGUYỄN TÙNG LÂM	11/12/2005	QH.2023.F.1.E14.NN4			
6	22040009	HOÀNG KHÁNH LINH	17/12/2004	QH.2022.F.1.E20.SP5			
7	23040465	PHẠM DIỆU LINH	07/07/2005	QH.2023.F.1.E6.NN5			
8	23040467	PHẠM MAI LINH	02/10/2005	QH.2023.F.1.E7.NN5			
9	23040470	PHÙNG PHƯƠNG LINH	12/11/2005	QH.2023.F.1.E14.NN4			
10	23040476	TRẦN THỊ DUY LINH	26/06/2005	QH.2023.F.1.E5.NN5			
11	23040454	NGUYỄN DIỆU LINH	03/12/2005	QH.2023.F.1.E3.NN5			
12	23040456	NGUYỄN KHÁNH LINH	02/04/2005	QH.2023.F.1.E9.NN4			
13	23040462	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	18/07/2005	QH.2023.F.1.E17.NN3			
14	23040477	TRẦN THỊ PHƯƠNG LINH	05/08/2005	QH.2023.F.1.E6.NN5			
15	23040458	NGUYỄN LÊ BẢO LINH	11/06/2005	QH.2023.F.1.E4.NN5			
16	23040483	NGUYỄN THẮNG LỢI	14/01/2005	QH.2023.F.1.E6.NN5			
17	23040481	LÃ TIẾN LONG	15/09/2005	QH.2023.F.1.E10.NN4			
18	23040484	TRẦN THỊ NGỌC LUYẾN	10/02/2005	QH.2023.F.1.E23.NN3			
19	23040499	MAI XUÂN MAI	09/01/2005	QH.2023.F.1.E8.NN4			
20	23040503	TRỊNH THỊ TUYẾT MAI	16/04/2005	QH.2023.F.1.E23.NN3			
21	22040542	LE BÌNH MINH	08/11/2004	QH.2022.F.1.E11.NN4			
22	23040074	ĐỖ THỊ THU MINH	29/05/2005	QH.2023.F.1.E3.SP5			

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Người vào điểm:

Người kiểm tra:

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

Môn thi: Tiếng Nhật B1
Ngày thi: 04 tháng 01 năm 2024

Mã môn học: FLF1607B
Phòng thi: 5 (106B3)

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP (Viết Tắt)	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI (BẢNG SỐ)	GHI CHÚ
1	23040507	NGUYỄN QUANG MINH	11/11/2005	QH.2023.F.1.E4.NN5			
2	23040509	DUY KIỀU MY	19/12/2005	QH.2023.F.1.E3.NN5			
3	23040512	LƯƠNG TRÀ MY	14/09/2005	QH.2023.F.1.E11.NN4			
4	23040568	TRẦN XUÂN NAM	17/03/2005	QH.2023.F.1.E7.NN5			
5	23040520	TRƯƠNG TRỌNG NAM	10/05/2005	QH.2023.F.1.E24.NN3			
6	23040517	ĐÀO HẢI NAM	04/09/2005	QH.2023.F.1.E22.NN3			
7	23040518	ĐỖ VĂN HOÀI NAM	10/08/2005	QH.2023.F.1.E6.NN5			
8	23040529	NGUYỄN QUỲNH NGÂN	07/01/2005	QH.2023.F.1.E10.NN4			
9	23040532	ĐẶNG HỮU NGHĨA	20/06/2005	QH.2023.F.1.E16.NN3			
10	23040541	NGUYỄN BẢO NGỌC	14/11/2005	QH.2023.F.1.E14.NN4			
11	23041917	NGUYỄN QUỲNH NGỌC	07/05/2005	QH.2023.F.1.VH1.NN4			
12	23040547	VÕ MINH NGỌC	22/10/2005	QH.2023.F.1.E6.NN5			
13	23040549	LƯƠNG THẢO NGUYỄN	11/02/2005	QH.2023.F.1.E3.NN5			
14	23040558	VŨ THỊ ÁNH NHÂN	13/10/2005	QH.2023.F.1.E5.NN5			
15	23040571	NGUYỄN THỊ DIỆU NHI	24/08/2005	QH.2023.F.1.E11.NN4			
16	23040567	LÒ YẾN NHI	07/09/2005	QH.2023.F.1.E18.NN3			
17	23040580	NGUYỄN THỊ MAI NHUNG	24/12/2004	QH.2023.F.1.E22.NN3			
18	23040587	VŨ THỊ LÂM OANH	13/03/2005	QH.2023.F.1.E16.NN3			
19	22040596	NGUYỄN XUÂN PHÚC	21/09/2004	QH.2022.F.1.E12.NN5			
20	23040593	HOÀNG TÀI PHÚC	12/02/2005	QH.2023.F.1.E5.NN5			
21	23040606	TRẦN HÀ PHƯƠNG	23/11/2005	QH.2023.F.1.E3.NN5			
22	23040610	VŨ THỊ THU PHƯƠNG	02/11/2005	QH.2023.F.1.E22.NN3			

Giám thị 1:
Giám thị 2:

Người vào điểm:
Người kiểm tra:
Hà Nội, ngày tháng năm 2024
TRƯỞNG KHOA

Môn thi: Tiếng Nhật B1
Ngày thi: 04 tháng 01 năm 2024

Mã môn học: FLF1607B
Phòng thi: 6 (202B3)

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP (Viết Tắt)	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI (BẢNG SỐ)	GHI CHÚ
1	23040612	LÊ THIỀU QUÂN	30/01/2005	QH.2023.F.1.E12.NN4			
2	23040611	LÙNG VINH QUANG	01/12/2005	QH.2023.F.1.E11.NN4			
3	23040622	NGUYỄN BÁ SƠN	04/03/2005	QH.2023.F.1.E4.NN5			
4	23040623	LÊ THÀNH TÀI	02/02/2005	QH.2023.F.1.E13.NN4			
5	23040626	PHẠM TRƯƠNG TUỆ TÂM	02/10/2005	QH.2023.F.1.E14.NN4			
6	23040625	NGUYỄN PHẠM THANH TÂM	10/08/2005	QH.2023.F.1.E13.NN4			
7	22040460	ĐÀM DANH TẤN	11/02/2004	QH.2022.F.1.E7.NN4			
8	23040670	DƯƠNG QUANG THẮNG	29/05/2005	QH.2023.F.1.E5.NN5			
9	23040648	NGUYỄN THỊ HƯƠNG THANH	05/01/2005	QH.2023.F.1.E17.NN3			
10	22040307	TRẦN TUẤN THÀNH	10/09/2004	QH.2022.F.1.E15.NN5			
11	23040097	ĐÀO THỊ PHƯƠNG THẢO	17/11/2005	QH.2023.F.1.E15.SP3			
12	23040659	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	04/05/2005	QH.2023.F.1.E7.NN5			
13	23040654	ĐINH TRẦN NGUYỄN THẢO	06/09/2005	QH.2023.F.1.E7.NN5			
14	23040666	TRỊNH PHƯƠNG THẢO	08/02/2005	QH.2023.F.1.E9.NN4			
15	23040681	NGUYỄN THỊ THANH THU	28/11/2005	QH.2023.F.1.E13.NN4			
16	23040678	ĐINH HƯƠNG THU	17/10/2005	QH.2023.F.1.E12.NN4			
17	23040682	NGUYỄN THỊ THU	20/01/2005	QH.2023.F.1.E5.NN5			
18	23040679	LÊ MINH THU	10/11/2005	QH.2023.F.1.E24.NN3			
19	23040701	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	04/04/2005	QH.2023.F.1.E23.NN3			
20	23040702	PHAN ANH THƯ	25/05/2005	QH.2023.F.1.E11.NN4			
21	23040108	DƯƠNG THỊ LỆ THƯƠNG	26/01/2005	QH.2023.F.1.E2.SP5			
22	23040692	NGUYỄN THU THUY	23/04/2005	QH.2023.F.1.E5.NN5			

Giám thị 1:
Giám thị 2:

Người vào điểm:
Người kiểm tra:
Hà Nội, ngày tháng năm 2024
TRƯỞNG KHOA

Môn thi: Tiếng Nhật B1
Ngày thi: 04 tháng 01 năm 2024

Mã môn học: FLF1607B
Phòng thi: 7 (204B3)

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP (Viết Tắt)	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI (BẢNG SỐ)	GHI CHÚ
1	23040689	BÙI THU THỦY	22/03/2005	QH.2023.F.1.E18.NN3			
2	23040628	LÊ TRƯƠNG THỦY TIÊN	02/09/2005	QH.2023.F.1.E5.NN5			
3	23040631	HOÀNG NGỌC KHÁNH TOÀN	22/11/2005	QH.2023.F.1.E21.NN3			
4	22040325	HOÀNG BẢO TRÂM	14/10/2004	QH.2022.F.1.E15.NN5			
5	23040714	NGUYỄN HUYỀN TRANG	23/03/2005	QH.2023.F.1.E9.NN4			
6	23040709	HÀ THỊ QUỲNH TRANG	17/08/2005	QH.2023.F.1.E17.NN3			
7	23040719	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	23/01/2005	QH.2023.F.1.E10.NN4			
8	23040711	HOÀNG MAI TRANG	02/07/2005	QH.2023.F.1.E18.NN3			
9	23040721	NGUYỄN THỊ THU TRANG	09/05/2005	QH.2023.F.1.E18.NN3			
10	23040738	HÀ ĐỨC TRUNG	09/09/2005	QH.2023.F.1.E7.NN5			
11	23040636	PHẠM ANH TÚ	17/07/2005	QH.2023.F.1.E5.NN5			
12	23041924	LÊ THANH TÚ	29/09/2005	QH.2023.F.1.VH1.NN4			
13	23040640	ĐẶNG HOÀNG TUẤN	03/04/2005	QH.2023.F.1.E23.NN3			
14	23040645	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	07/09/2005	QH.2023.F.1.E16.NN3			
15	23040751	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	02/02/2005	QH.2023.F.1.E6.NN5			
16	23040752	ĐOÀN TRỌNG VINH	06/10/2005	QH.2023.F.1.E12.NN4			
17	23040117	CHU THỊ VINH	18/10/2005	QH.2023.F.1.E15.SP3			
18	23040755	NGUYỄN MINH VŨ	06/09/2005	QH.2023.F.1.E7.NN5			
19	23040761	NGUYỄN THỊ YẾN VY	11/06/2005	QH.2023.F.1.E4.NN5			
20	23040765	VŨ HOA VY	02/10/2005	QH.2023.F.1.E12.NN4			

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Người vào điểm:

Người kiểm tra:

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA